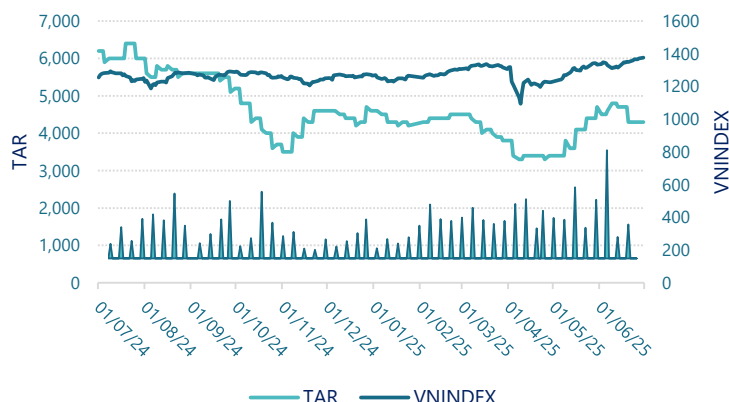


CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (UPCOM: TAR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	4,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	78,319,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	43,010
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	337
P/E	-5.1
EPS	-848

DT thuần

Q2/25

719

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 392 | 120%

YoY: ▼ 1,745 | -70.8%

LN sau thuế

Q2/25

-6.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.16 | 54.0%

YoY: ▲ 4.06 | 36.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▲ 2.7%

DT thuần

6T 2025

1,046

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2,133 | -67.1%

LN sau thuế

6T 2025

-22.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 13.8 | -167%

ROE

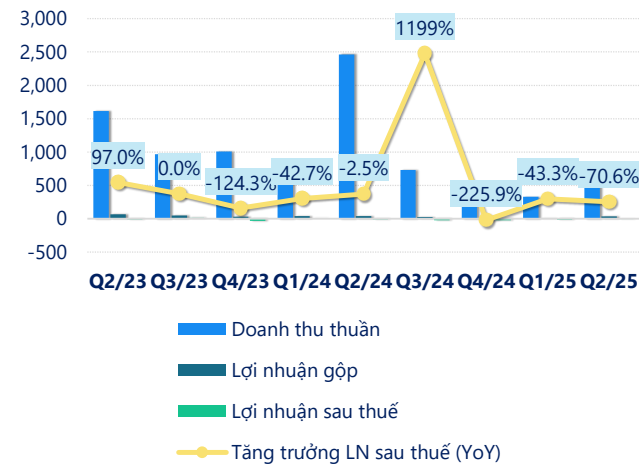
Q2/25

-5.5%

+/- YoY: ▼ 3.5%

tỷ VNĐ

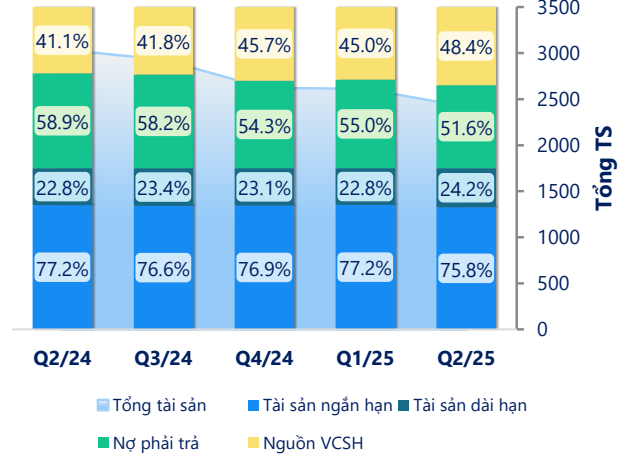
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

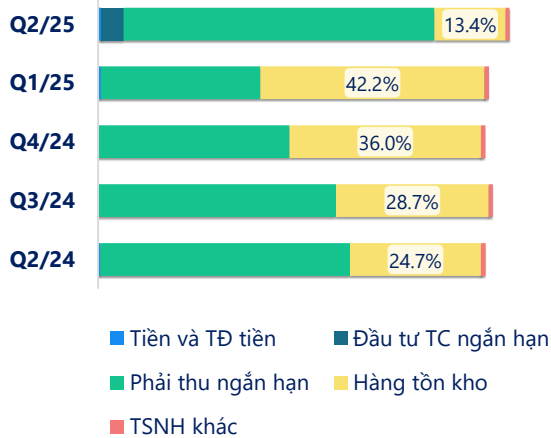
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



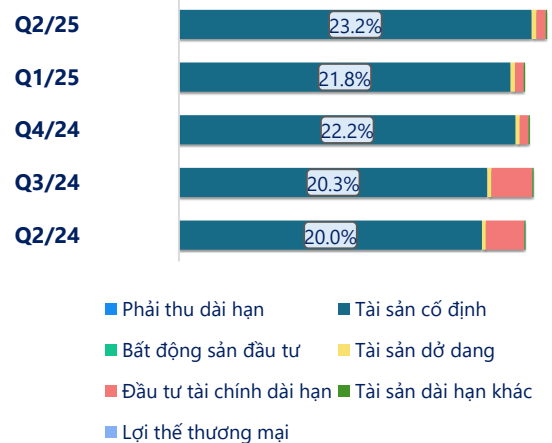
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

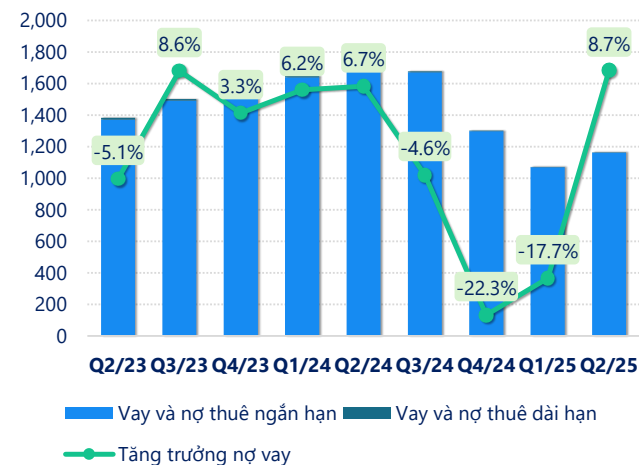
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

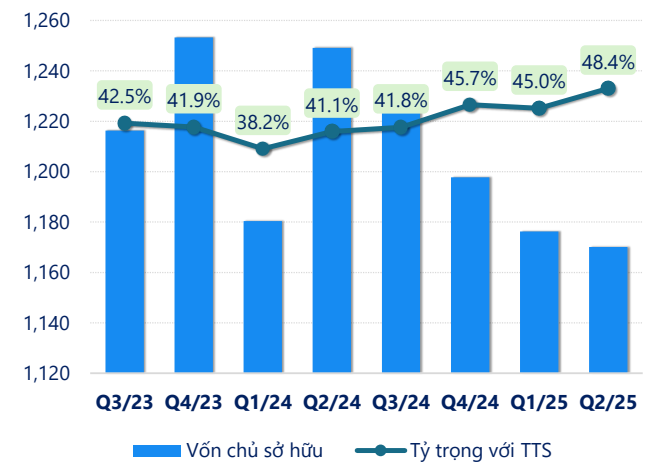
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

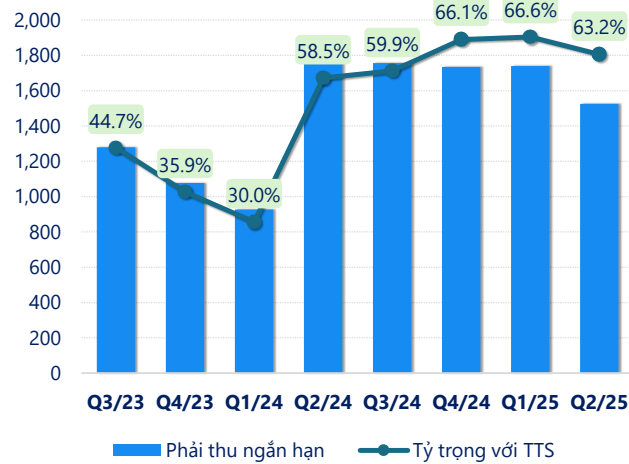
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



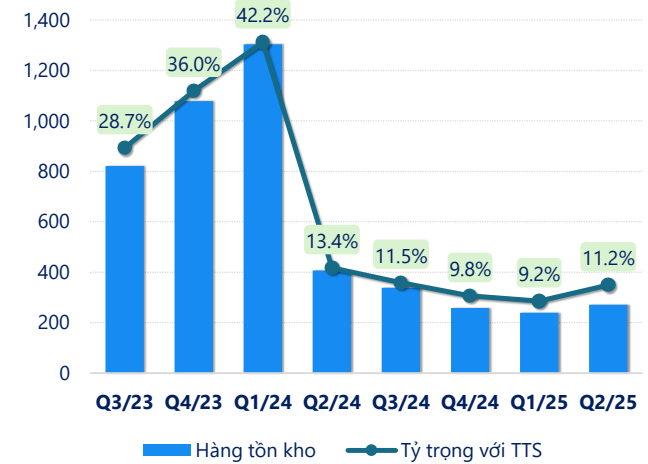
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


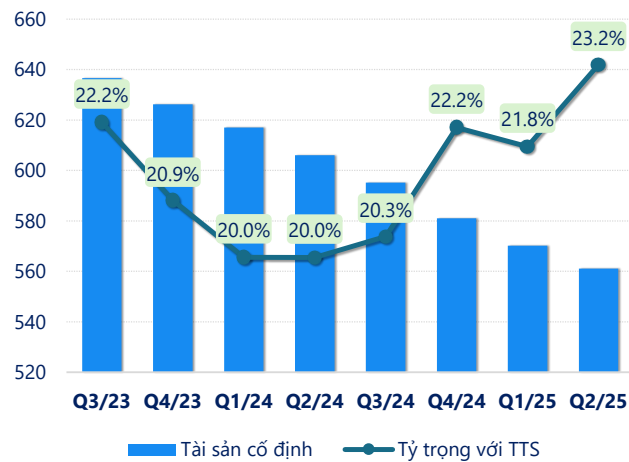
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


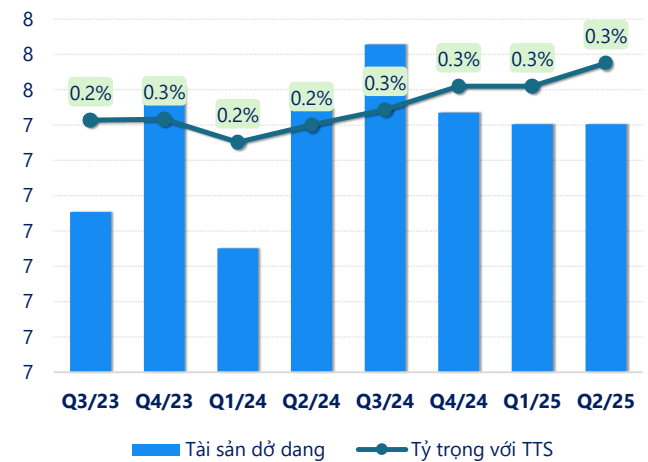
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

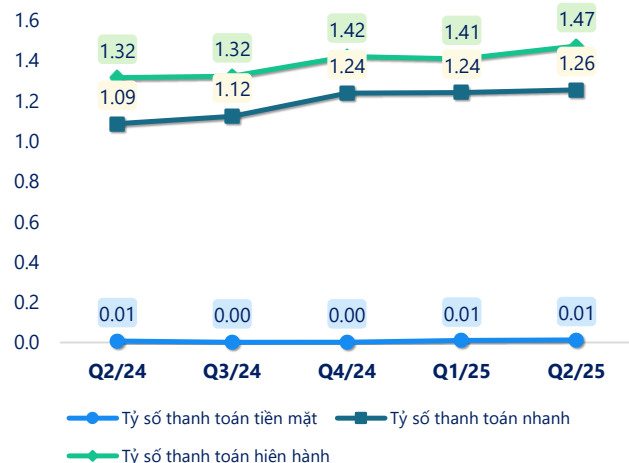
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

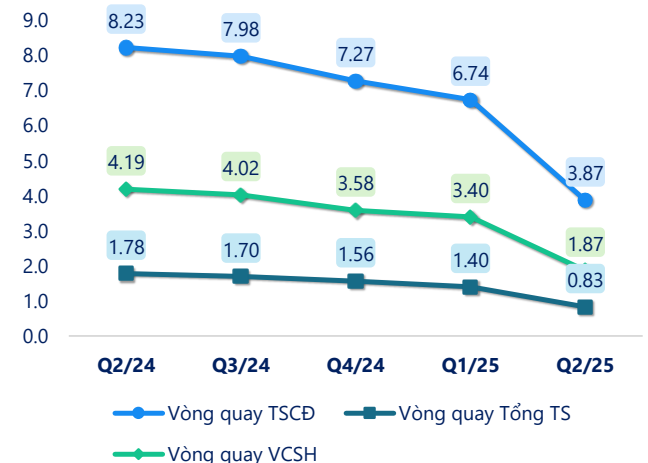
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	3,038	2,931	2,622	2,611	2,416
Tài sản ngắn hạn	2,344	2,246	2,016	2,016	1,830
Tiền và tương đương tiền	13.2	1.71	1.63	14.5	15.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125	128	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,777	1,756	1,734	1,740	1,526
Hàng tồn kho	407	338	258	240	271
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	21.9	22.0	22.2	17.5
Tài sản dài hạn	694	685	606	595	586
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	606	595	581	570	561
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.45	7.63	7.44	7.40	7.40
Đầu tư tài chính dài hạn	77.1	78.7	14.8	14.8	14.8
Tài sản dài hạn khác	2.82	3.01	2.70	2.72	2.38
Lợi thế thương mại	0.54	0.22	-0.11	-0.43	0
Nợ phải trả	1,789	1,705	1,424	1,435	1,246
Nợ ngắn hạn	1,781	1,698	1,419	1,430	1,242
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,751	1,671	1,298	1,069	1,163
Phải trả người bán ngắn hạn	9.22	6.93	8.11	13.5	12.2
Nợ dài hạn	7.46	6.41	5.43	4.46	3.40
Vay và nợ thuê dài hạn	6.26	5.22	4.17	3.13	2.09
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,249	1,226	1,198	1,176	1,170
Vốn chủ sở hữu	1,249	1,226	1,198	1,176	1,170
Vốn điều lệ	783	783	783	783	783
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)